

**KẾ HOẠCH**

**Thực hiện Quyết định số 522/QĐ-TTg ngày 14/5/2018 của Thủ tướng  
Chính phủ trên địa bàn tỉnh Long An giai đoạn 2019 - 2025**

Thực hiện Quyết định số 522/QĐ-TTg ngày 14/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án “Giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông giai đoạn 2018 - 2025”; Công văn số 1676/BGDĐT-GDTrH ngày 19/4/2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn triển khai Đề án “Giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông giai đoạn 2018 - 2025”, UBND tỉnh xây dựng Kế hoạch thực hiện Quyết định số 522/QĐ-TTg ngày 14/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Long An giai đoạn 2019 - 2025, cụ thể như sau:

**I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

**1. Mục đích**

Định hướng phân luồng học sinh sau khi tốt nghiệp trung học cơ sở, trung học phổ thông vào học các ngành nghề phù hợp với năng lực bản thân, phù hợp điều kiện phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương; đẩy mạnh công tác hướng nghiệp tại các trường phổ thông, dạy nghề tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh.

**2. Yêu cầu**

Định hướng phân luồng phù hợp với thực tế địa phương, phải có sự tham gia của cơ quan quản lý nhà nước, các cơ sở giáo dục, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và đồng thuận của xã hội trong công tác giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh phổ thông. Có sự chung tay của mọi ban, ngành, đoàn thể và sự thay đổi suy nghĩ của các bậc phụ huynh học sinh về giáo dục nghề nghiệp.

**II. KẾT QUẢ CÔNG TÁC GIÁO DỤC HƯỚNG NGHIỆP VÀ ĐỊNH HƯỚNG PHÂN LUỒNG HỌC SINH TRONG THỜI GIAN QUA**

**1. Đánh giá chung**

**1.1. Thuận lợi**

- Luật Giáo dục nghề nghiệp năm 2014 đã tạo điều kiện thuận lợi trong công tác phân luồng học sinh; tạo nhiều cơ hội cho học sinh, sinh viên học nghề bằng nhiều phương thức, ở nhiều trình độ đào tạo.

- Hoạt động giáo dục hướng nghiệp trong trường phổ thông hiện nay nhằm giúp học sinh nắm một số ngành nghề cơ bản để có hướng đi phù hợp với năng lực bản thân. Đồng thời hỗ trợ cho học sinh nhận thức được mục tiêu học tập của từng nhóm ngành nghề, hiểu rõ được tầm quan trọng của việc định hướng nghề nghiệp tương lai và góp phần thay đổi tâm lý của phụ huynh học sinh trong việc lựa chọn ngành nghề cho con em.

- Được sự hỗ trợ và phối hợp của các ngành, các cấp; sự đồng hành của các tổ chức nhà nước, doanh nghiệp, cơ quan, các trường trung học, cơ sở đào tạo, đoàn thể xã hội, các trường đại học, cao đẳng; các cơ quan thông tin truyền thông và giáo viên.

- Việc tốt nghiệp đại học khó kiếm được việc làm, trong khi tốt nghiệp trung cấp nghề lại có nhiều cơ hội xin được việc làm có thu nhập ổn định trong tình hình hiện nay, phần nào tác động đến học sinh sau khi tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) chuyển sang học nghề ngày càng nhiều.

## **1.2. Khó khăn, tồn tại và nguyên nhân**

### **a) Những khó khăn, tồn tại**

- Một vài cơ sở giáo dục nghề nghiệp chỉ chú trọng công tác đào tạo, chưa chú trọng đầu ra cho học viên học nghề, nên chưa thu hút được nhiều học sinh sau khi tốt nghiệp trung học cơ sở vào học nghề.

- Công tác phân luồng học sinh sau khi tốt nghiệp trung học cơ sở chưa hiệu quả, chưa tạo nền tảng cho việc chuẩn bị nguồn nhân lực có chất lượng đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Không có giáo viên chuyên trách về tư vấn hướng nghiệp cho học sinh. Giáo viên không được đào tạo về chuyên môn để thực hiện giáo dục hướng nghiệp.

- Chưa có chuyên ngành đào tạo giáo viên về công tác hướng nghiệp, chủ yếu do các giáo viên, đặc biệt là đội ngũ giáo viên chủ nhiệm.

- Việc chưa xem trọng cấp học cao đẳng, trung cấp, sơ cấp nghề còn phổ biến trong tâm lý phụ huynh học sinh và học sinh.

### **b) Nguyên nhân**

- Nhận thức các cấp, các ngành và xã hội về vị trí, vai trò của giáo dục nghề nghiệp đối với lập thân, lập nghiệp của người lao động chưa đầy đủ; công tác giáo dục hướng nghiệp tại các trường phổ thông chưa hiệu quả, tâm lý “thích làm thầy, ngại làm thợ” đã ăn sâu trong nhận thức của nhân dân nhất là thanh niên học sinh.

- Nguồn đầu tư cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp còn hạn chế, chưa mở rộng, đa dạng ngành nghề, quy mô đào tạo; chất lượng đào tạo còn hạn chế ở một số nghề.

- Thông tin về thị trường lao động chưa rộng rãi; thu nhập bình quân hàng tháng của người lao động qua đào tạo nghề nghiệp thấp và chưa có sự chênh lệch nhiều so với những người lao động phổ thông.

- Công tác phối hợp giữa các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và các trường phổ thông trong việc tư vấn, hướng nghiệp cho học sinh chưa thật sự chặt chẽ; phần lớn học sinh trung học cơ sở chưa định hướng được nghề nghiệp sau tốt nghiệp trung học cơ sở nên học sinh vào học các cơ sở giáo dục nghề nghiệp còn rất hạn chế.

- Trên địa bàn tỉnh, còn một số doanh nghiệp tuyển dụng người lao động trình độ phổ thông, không cần qua đào tạo nghề nên phần nào cũng ảnh hưởng đến việc tuyên truyền, vận động đi học nghề đối với học sinh.

## 2. Kết quả công tác giáo dục hướng nghiệp

- Các trường học thực hiện đầy đủ kế hoạch giáo dục hướng nghiệp cho học sinh; các trường chủ động liên hệ với các ban, ngành ở địa phương và các trường nghề,... tổ chức tham quan, tư vấn nghề nghiệp cho học sinh.

- Tỉnh thực hiện việc dạy, tổ chức thi cấp chứng chỉ nghề phổ thông cho học sinh trung học cơ sở, trung học phổ thông đạt kết quả như sau:

Năm	Tổng số học sinh học nghề	Số học sinh có chứng chỉ nghề phổ thông	Tỷ lệ %	Ghi chú
2016	29.828	29.828	100	
2017	35.124	34.045	96,92	
2018	32.528	31.748	97,60	

- Việc thực hiện chương trình giáo dục lao động, giáo dục hướng nghiệp cũng được tổ chức thực hiện ở tất cả các trường học trong toàn tỉnh.

- Toàn tỉnh có 143 trường trung học cơ sở và 43 trường trung học phổ thông. Các cơ sở giáo dục đều có phân công cán bộ, giáo viên thực hiện công tác giáo dục hướng nghiệp cho học sinh. Có 92.059 học sinh trung học cơ sở và 38.739 học sinh trung học phổ thông; 100% học sinh các lớp cuối cấp đều được tư vấn, hướng nghiệp.

## 3. Kết quả công tác phân luồng học sinh

- Số liệu học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở thực hiện phân luồng trong 3 năm học gần đây:

Năm học	Tổng số học sinh tốt nghiệp THCS	Trúng tuyển lớp 10 giáo dục phổ thông		Trúng tuyển lớp 10 giáo dục thường xuyên		Vào học lớp 10 tư thục		Học trình độ trung cấp trong tỉnh		Số lượng học sinh còn lại	
		Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %
2016-2017	18.452	13.505	73,19	1.299	7,04	394	2,14	1.841	9,98	1.413	7,66
2017-2018	19.125	13.911	72,74	1.122	5,87	254	1,33	2.327	12,17	1.511	7,90
2018-2019	22.348	16.084	71,97	1.782	7,97	392	1,75	1.907	8,53	2.183	9,77

- Số lượng, tỷ lệ học sinh bỏ học sau trung học cơ sở, trung học phổ thông có chiều hướng giảm, cụ thể:

Năm học	THCS		THPT		Ghi chú
	<i>Số lượng học sinh bỏ học</i>	<i>Tỷ lệ (%)</i>	<i>Số lượng học sinh bỏ học</i>	<i>Tỷ lệ (%)</i>	
2015-2016	930	1,03	635	1,73	
2016-2017	815	0,88	503	1,31	
2017-2018	723	0,77	437	1,10	

- Số lượng học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông vào học đại học, cao đẳng năm 2018 là 4.890 người, chiếm tỷ lệ 38,17%.

#### **4. Kết quả thực hiện giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông năm 2018**

- 34,97% trường trung học cơ sở và 53,49% trường trung học phổ thông có chương trình giáo dục hướng nghiệp gắn với hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của địa phương.

- 44,76% trường trung học cơ sở và 65,12% trường trung học phổ thông có giáo viên kiêm nhiệm làm nhiệm vụ tư vấn hướng nghiệp đáp ứng yêu cầu về chuyên môn, nghiệp vụ.

- 10,10% học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở tiếp tục học tập tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đào tạo trình độ sơ cấp, trung cấp.

- 30,31% học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông tiếp tục học tập tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đào tạo trình độ cao đẳng.

### **III. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU ĐẾN NĂM 2025**

#### **1. Mục tiêu**

##### **1.1. Mục tiêu chung**

- Tạo bước đột phá về chất lượng giáo dục hướng nghiệp trong giáo dục phổ thông, góp phần chuyển biến mạnh mẽ công tác phân luồng học sinh sau trung học cơ sở và trung học phổ thông vào học các trình độ giáo dục nghề nghiệp phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và đất nước; đáp ứng nhu cầu nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực của tỉnh, quốc gia, hội nhập khu vực và quốc tế.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho học sinh có thể lựa chọn các hình thức, loại hình học tập phù hợp với khả năng và điều kiện của bản thân nhằm tránh lãng phí cho gia đình và xã hội, đáp ứng yêu cầu về số lượng, trình độ, cơ cấu ngành nghề của thị trường lao động, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập của tỉnh.

##### **1.2. Mục tiêu cụ thể**

a) Mục tiêu đến năm 2020

- Khoảng 55% trường trung học cơ sở, 60% trường trung học phổ thông có chương trình giáo dục hướng nghiệp gắn với hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của địa phương.

- Khoảng 55% trường trung học cơ sở, 60% trường trung học phổ thông có giáo viên kiêm nhiệm làm nhiệm vụ tư vấn hướng nghiệp đáp ứng yêu cầu về chuyên môn, nghiệp vụ.

- Phần đầu đạt ít nhất 20% học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở tiếp tục học tập tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đào tạo trình độ sơ cấp, trung cấp.

- Phần đầu đạt ít nhất 40% học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông tiếp tục học tập tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đào tạo trình độ cao đẳng.

#### **b) Mục tiêu đến năm 2025**

- Phần đầu 100% trường trung học cơ sở và trung học phổ thông có chương trình giáo dục hướng nghiệp gắn với sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của địa phương.

- Phần đầu 100% trường trung học cơ sở và trung học phổ thông có giáo viên kiêm nhiệm làm nhiệm vụ tư vấn hướng nghiệp đáp ứng yêu cầu về chuyên môn, nghiệp vụ.

- Phần đầu ít nhất 40% học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở tiếp tục học tập tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đào tạo trình độ sơ cấp, trung cấp.

- Phần đầu ít nhất 45% học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông tiếp tục học tập tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đào tạo trình độ cao đẳng.

### ***1.3. Bảng chỉ tiêu đăng ký thực hiện công tác giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh đến năm 2025***

Chi tiết tại phụ lục đính kèm.

## **2. Nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu**

### ***2.1. Nâng cao nhận thức về giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh phổ thông***

a) Đổi mới và tăng cường công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành, các cơ sở giáo dục phổ thông, cha mẹ học sinh, học sinh và nhân dân về ý nghĩa, tầm quan trọng của giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh phổ thông.

- Đẩy mạnh công tác truyền thông tuyên truyền chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về dạy nghề, về các mô hình đào tạo nghề, giải quyết việc làm - giảm nghèo hiệu quả trên các phương tiện thông tin đại chúng với nhiều hình thức đa dạng, phong phú như xây dựng các chuyên trang, chuyên mục, phóng sự tuyên truyền trên Báo, Đài Phát thanh và Truyền hình.

- Hàng năm các trường tổ chức hội thảo, hội nghị chuyên đề về công tác phân luồng học sinh sau trung học cơ sở, trung học phổ thông cho đối tượng học sinh, phụ huynh học sinh, nhằm giúp học sinh và gia đình học sinh định hướng nghề nghiệp phù hợp.

b) Đưa nhiệm vụ giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh phổ thông vào chủ trương, kế hoạch chỉ đạo phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

c) Xây dựng trang thông tin về giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh phổ thông; hình thành cơ sở dữ liệu về nghề nghiệp, thị trường lao động và thông tin, dữ liệu liên quan đến ngành, nghề; mô tả ngành, nghề và thông tin tuyển dụng, sử dụng lao động của từng ngành, nghề, tương ứng với từng địa phương; kết nối giữa các trường phổ thông với cơ quan dự báo nhu cầu nhân lực, hội nghề nghiệp, hội doanh nghiệp, các cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và các doanh nghiệp.

d) Tăng cường phối hợp tổ chức các hoạt động tuyên truyền về giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng cho học sinh phổ thông như: Ngày hội tư vấn, hướng nghiệp; thi tìm hiểu về thế giới nghề nghiệp; các hoạt động giao lưu của học sinh, giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục với các nhà khoa học, nhà quản lý, doanh nhân.

- Tăng cường mối liên hệ phối hợp giữa các trường học với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tổ chức tư vấn hướng nghiệp cho học sinh lớp 8 - 9 và 11 - 12, giúp học sinh sau tốt nghiệp trung học cơ sở không vào học trung học phổ thông có thể lựa chọn nghề nghiệp phù hợp với năng lực bản thân và điều kiện gia đình.

- Các cơ sở giáo dục phối hợp với cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn thực hiện tốt việc dạy học gắn với sản xuất kinh doanh, dịch vụ của địa phương, giúp học sinh nắm được các ngành nghề phát triển tại địa phương.

## ***2.2. Đổi mới nội dung, phương pháp, hình thức giáo dục hướng nghiệp trong trường phổ thông***

a) Đổi mới nội dung giáo dục hướng nghiệp thông qua các môn học và hoạt động giáo dục trong nhà trường

- Đối với chương trình giáo dục phổ thông hiện hành: Đổi mới nội dung dạy học trong chương trình theo hướng tinh giản, hiện đại, thiết thực, phù hợp với lứa tuổi; tăng cường thực hành, vận dụng kiến thức vào thực tiễn; bổ sung, cập nhật các nội dung giáo dục hướng nghiệp trong các môn học và hoạt động giáo dục phù hợp với thực tiễn.

- Đối với chương trình giáo dục phổ thông mới: Chú trọng đưa nội dung giáo dục hướng nghiệp tích hợp trong chương trình các môn học và hoạt động giáo dục theo định hướng giáo dục tích hợp khoa học - công nghệ - kỹ thuật - toán (giáo dục STEM) trong chương trình phù hợp với xu hướng phát triển ngành nghề của quốc gia, đáp ứng thị trường lao động, chuẩn bị điều kiện đào tạo nhân lực đáp ứng yêu cầu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4.

b) Đa dạng hóa, vận dụng linh hoạt các hình thức tư vấn hướng nghiệp phù hợp với lứa tuổi học sinh; cung cấp kịp thời thông tin về cơ sở giáo dục nghề nghiệp, chính sách đối với người học các trình độ giáo dục nghề nghiệp, chính sách ưu đãi trong giáo dục nghề nghiệp, cơ hội khởi nghiệp, tìm kiếm việc làm, xu hướng thị trường lao động và nhu cầu sử dụng của thị trường lao động.

- Tăng cường giáo dục hướng nghiệp cho học sinh, đồng thời đẩy mạnh hoạt động của các cơ sở dạy nghề để tư vấn, hướng nghiệp học sinh sau tốt nghiệp trung học cơ sở và trung học phổ thông tham gia học nghề. Việc phân luồng phải gắn với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

- Các trường học tăng cường giáo dục hướng nghiệp cho học sinh lớp 8-9, lớp 11-12 (thông qua các hoạt động dạy, học các môn văn hóa, môn công nghệ, nghề phổ thông, các buổi sinh hoạt hướng nghiệp, các hoạt động ngoại khóa,...).

- Xây dựng chương trình giáo dục hướng nghiệp gắn với hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ phù hợp với địa phương.

- Các trường học phối hợp với cha mẹ học sinh, thực hiện tư vấn hướng nghiệp giúp học sinh sau tốt nghiệp trung học phổ thông và chọn nghề phù hợp với năng lực của bản thân và phát triển kinh tế của địa phương thông qua nhiều hình thức: báo cáo chuyên đề của doanh nhân, ngày hội tư vấn tuyển sinh - hướng nghiệp,...

c) Tăng cường phối hợp giữa các trường học, các cơ quan quản lý giáo dục với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trong hoạt động giáo dục hướng nghiệp và học sinh phổ thông sau khi tốt nghiệp vào học tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

Các cơ sở cơ sở giáo dục nghề nghiệp kết hợp với các trường học để sinh hoạt các buổi chuyên đề về hướng nghiệp cho học sinh lớp 8- 9, 11-12. Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp cần xác định nguyên tắc đào tạo theo nhu cầu, đào tạo có địa chỉ; công khai tỷ lệ học sinh tốt nghiệp nghề có việc làm nguồn nhân lực đã được đào tạo ổn định lâu dài.

d) Xây dựng mô hình thí điểm về giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông tại một số địa phương, trong đó áp dụng phương thức hướng nghiệp tiên tiến, có sự tham gia của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, các doanh nghiệp.

Thực hiện đồng bộ các giải pháp phân luồng học sinh sau trung học cơ sở, trung học phổ thông; định hướng đào tạo lao động có tay nghề đáp ứng sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

đ) Cung cấp thông tin thường xuyên, kịp thời về nhu cầu lao động, thị trường lao động của tỉnh và trong cả nước cho các trường học.

e) Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong việc trao đổi kinh nghiệm giáo dục hướng nghiệp, phân luồng học sinh phổ thông, về nhu cầu lao động, thị trường lao động.

### ***2.3. Phát triển đội ngũ giáo viên kiêm nhiệm làm nhiệm vụ tư vấn, hướng nghiệp trong các trường phổ thông***

a) Xây dựng, khai thác, sử dụng tài liệu đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên kiêm nhiệm làm công tác giáo dục hướng nghiệp theo từng cấp học.

b) Bồi dưỡng đội ngũ giáo viên kiêm nhiệm làm công tác giáo dục hướng nghiệp về kiến thức, kỹ năng tư vấn, phương pháp tư vấn hiện đại với sự trợ giúp của công nghệ thông tin.

c) Thu hút các nhà khoa học, các nhà quản lý, giáo viên các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, các doanh nhân,... tham gia làm công tác tư vấn, hướng nghiệp cho học sinh.

#### ***2.4. Tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học gắn với giáo dục hướng nghiệp trong giáo dục phổ thông***

a) Tiếp tục hoàn thiện cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học gắn với giáo dục hướng nghiệp, giáo dục STEM.

b) Hỗ trợ trung tâm giáo dục thường xuyên và kỹ thuật tổng hợp, các trường phổ thông, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị dạy học phục vụ giáo dục hướng nghiệp, dạy nghề.

c) Tập trung các nguồn lực để đầu tư xây dựng, nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị cho công tác đào tạo nghề; hướng đến nâng cao chất lượng đào tạo gắn với nhu cầu xã hội, giải quyết việc làm theo địa chỉ cụ thể.

d) Tăng cường kêu gọi các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân tiếp tục đầu tư phát triển hoạt động giáo dục nghề nghiệp theo hướng hiện đại nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả đào tạo.

#### ***2.5. Triển khai thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh phổ thông***

a) Triển khai áp dụng các tiêu chí đánh giá việc thực hiện giáo dục hướng nghiệp trong cơ sở giáo dục phổ thông; tiêu chuẩn lựa chọn đối với người làm nhiệm vụ tư vấn, hướng nghiệp trong trường phổ thông.

b) Thực hiện các quy định về tiêu chuẩn, tiêu chí kỹ thuật về cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học phục vụ giáo dục hướng nghiệp trong trường phổ thông.

c) Thực hiện các cơ chế chính sách, khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi cho học sinh học liên thông giữa các trình độ đào tạo, lên các cấp học cao hơn.

d) Thực hiện đúng, đủ các chế độ, chính sách đối với người đi học nghề, học tập tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo quy định của pháp luật.

#### ***2.6. Huy động nguồn lực xã hội trong và ngoài tỉnh tham gia giáo dục hướng nghiệp, định hướng phân luồng học sinh phổ thông***

a) Tăng cường sự tham gia của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, doanh nghiệp trong xây dựng chương trình, tài liệu và đánh giá kết quả giáo dục hướng nghiệp đáp ứng yêu cầu thị trường lao động.

b) Thực hiện cơ chế phối hợp giữa cơ sở giáo dục phổ thông với các cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, các cơ sở sản xuất, kinh doanh nhằm khai thác, sử dụng các điều kiện cơ sở vật chất, thiết bị dạy học phục vụ cho giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh phổ thông.

c) Tiếp tục thực hiện các chính sách xã hội hóa của Trung ương và của tỉnh để tạo điều kiện thuận lợi thu hút mọi nguồn lực trong và ngoài nước đầu tư phát triển dạy nghề; khuyến khích doanh nghiệp, các tổ chức, cá nhân đầu tư thành lập cơ sở dạy nghề. Tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh



doanh liên kết với các cơ sở dạy nghề trong việc tổ chức đào tạo nghề, nhận học sinh, sinh viên các trường nghề đến doanh nghiệp thực tập.

d) Khuyến khích, tạo điều kiện để các tổ chức, cá nhân, trong và ngoài tỉnh đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học phục vụ công tác giáo dục hướng nghiệp cho học sinh phổ thông.

đ) Thực hiện giáo dục khởi nghiệp trong nhà trường, giúp học sinh hình thành nên tư duy khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, qua đó hiểu được sở thích bản thân, đưa ra những lựa chọn nghề nghiệp phù hợp cho tương lai.

- Dạy cho học sinh hình thành nên tư duy khởi nghiệp, trang bị cho các em những công cụ và kỹ năng khởi nghiệp để lên bậc học cao hơn, hình thành nên doanh nhân tiềm năng.

- Cần tạo ra những môi trường thực tế để các em có thể trải nghiệm, thử nghiệm ý tưởng, thử thách bản thân.

- Khuyến khích, tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư, hỗ trợ phát triển các ý tưởng, dự án khởi nghiệp của các học sinh phổ thông.

## ***2.7. Tăng cường quản lý đối với giáo dục hướng nghiệp, định hướng phân luồng học sinh phổ thông***

a) Tổ chức triển khai thực hiện công tác phân luồng học sinh trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng kế hoạch phân luồng phù hợp với thực trạng của địa phương, làm tốt công tác truyền thông về hướng nghiệp, phân luồng.

- Phân bổ kinh phí, đầu tư trang thiết bị phục vụ cho công tác giảng dạy và hướng nghiệp tại các trường, cơ sở giáo dục nghề nghiệp... nhằm thu hút sự quan tâm của học sinh và nâng cao chất lượng đào tạo.

b) Tham gia xây dựng, sử dụng và khai thác hiệu quả chuyên trang về giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh phổ thông trên hệ thống thông tin quản lý của ngành giáo dục và đào tạo.

c) Thành lập bộ phận kiêm nhiệm quản lý, theo dõi về giáo dục hướng nghiệp, định hướng phân luồng học sinh tại các cấp quản lý giáo dục và các cơ sở giáo dục phổ thông.

d) Thường xuyên theo dõi, kiểm tra, thanh tra, khảo sát, đánh giá chất lượng giáo dục hướng nghiệp, định hướng phân luồng học sinh phổ thông trong tỉnh và các địa phương.

đ) Biểu dương, khen thưởng các doanh nghiệp, nhà đầu tư, cơ sở giáo dục và các tổ chức, cá nhân khác tham gia tích cực, hiệu quả vào công tác giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh phổ thông.

## ***2.8. Kinh phí thực hiện kế hoạch***

a) Nguồn kinh phí

- Nguồn ngân sách nhà nước được giao hàng năm cho tỉnh, ngành, địa phương theo phân cấp ngân sách; nguồn kinh phí lồng ghép trong các chương trình, đề án được các cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Nguồn thu hợp pháp của các cơ sở giáo dục; nguồn tài trợ, hỗ trợ của các tổ chức, cá nhân và các nguồn vốn xã hội khác.

- Nguồn vốn vay ODA từ các chương trình, dự án.

b) Nguồn ngân sách nhà nước được chi cho các hoạt động

- Biên soạn tài liệu tham khảo, tài liệu tập huấn phục vụ công tác giáo dục hướng nghiệp, định hướng phân luồng học sinh và tập huấn giáo viên.

- Xây dựng trang thông tin về giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông trên hệ thống thông tin quản lý của ngành giáo dục và đào tạo.

- Bồi dưỡng cán bộ quản lý, giáo viên kiêm nhiệm làm nhiệm vụ tư vấn, hướng nghiệp; tập huấn giáo viên về dạy học tích hợp giáo dục hướng nghiệp, giáo dục STEM.

- Hỗ trợ thiết bị dạy học phục vụ giáo dục hướng nghiệp, giáo dục STEM cho một số trường trung học, trung tâm giáo dục thường xuyên cấp tỉnh, trường THPT cấp huyện được lựa chọn thí điểm về giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh phổ thông.

- Thực hiện những hoạt động khác theo nhiệm vụ của Kế hoạch phù hợp quy định của pháp luật ngân sách nhà nước.

## **2.9. Lộ trình thực hiện kế hoạch**

a) Từ năm 2019 đến năm 2020

- Rà soát, đánh giá thực trạng, xây dựng kế hoạch và bố trí kinh phí thực hiện các mục tiêu Kế hoạch giai đoạn 2019 - 2020.

- Thực hiện nội dung giáo dục hướng nghiệp trong chương trình giáo dục phổ thông hiện hành; nội dung giáo dục hướng nghiệp trong chương trình giáo dục phổ thông mới.

- Áp dụng thực hiện các tiêu chuẩn, tiêu chí kỹ thuật về cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học phục vụ giáo dục hướng nghiệp trong trường phổ thông.

- Thực hiện chế độ, chính sách, tạo điều kiện thuận lợi cho học sinh học liên thông giữa các trình độ đào tạo, lên các cấp học cao hơn; thực hiện các chế độ, chính sách cho học sinh đi học nghề, học trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo quy định của pháp luật.

- Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý, giáo viên kiêm nhiệm làm công tác giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng trong trường phổ thông.

- Xây dựng chuyên trang thông tin về giáo dục hướng nghiệp, phân luồng trong giáo dục phổ thông.

- Hỗ trợ kinh phí, thiết bị dạy học cho các trường học để thực hiện giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh phổ thông. Đặc biệt, ưu tiên cho một số trường học được lựa chọn thí điểm về giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh phổ thông.

- Đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập đảm bảo thực hiện phân luồng học sinh theo lộ trình của kế hoạch; đẩy mạnh xã hội hóa các cơ sở giáo dục nghề nghiệp ngoài công lập tham gia giáo dục nghề nghiệp.

- Đánh giá kết quả thực hiện giai đoạn 2019 - 2020 và triển khai các giai đoạn tiếp theo.

b) Từ năm 2021 đến năm 2025

- Tiếp tục hỗ trợ xây dựng cơ sở vật chất cho các trường phổ thông; chú ý ưu tiên tại một số cơ sở giáo dục triển khai thí điểm.

- Tập huấn cán bộ quản lý, giáo viên kiêm nhiệm thực hiện giáo dục hướng nghiệp trong trường phổ thông.

- Duy trì và hoàn thiện các hoạt động đã triển khai giai đoạn từ năm 2019-2020.

- Bổ sung, điều chỉnh một số hoạt động (nếu cần thiết) phù hợp với yêu cầu chung, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả.

- Tổng kết Kế hoạch vào cuối năm 2025.

#### **IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

##### **1. Sở Giáo dục và Đào tạo**

- Tham mưu UBND tỉnh thành lập Ban điều hành và tổ giúp việc để thực hiện kế hoạch của tỉnh.

- Chủ trì, phối hợp các sở, ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch; hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, tổng hợp kết quả thực hiện; tổ chức sơ kết, tổng kết việc thực hiện kế hoạch của tỉnh theo từng năm, từng giai đoạn, định kỳ báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo, UBND tỉnh; đề xuất kiến nghị UBND tỉnh điều chỉnh, bổ sung kế hoạch trong trường hợp cần thiết.

- Chủ trì, phối hợp Sở Lao động - Thương binh và Xã hội xây dựng nội dung và phương thức tuyên truyền phù hợp đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức trong toàn tỉnh nhằm nâng cao nhận thức về giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh phổ thông.

- Xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện về công tác giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh phổ thông trên địa bàn toàn tỉnh; nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác tư vấn, định hướng phân luồng học sinh sau tốt nghiệp trung học cơ sở, trung học phổ thông.

- Xây dựng trang thông tin về giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông trên hệ thống thông tin quản lý của ngành giáo dục và đào tạo.

- Tham mưu triển khai thực hiện cơ chế phối hợp giữa cơ sở giáo dục phổ thông với cơ sở giáo dục đại học và cơ sở giáo dục nghề nghiệp về công tác giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh phổ thông theo chỉ đạo, hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

##### **2. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội**

- Triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ, khuyến khích học sinh đi học nghề theo quy định của pháp luật.

- Chỉ đạo, kiểm tra, giám sát các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trong việc cung cấp thông tin về năng lực đào tạo, thông tin tuyển sinh của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp; tỷ lệ học sinh, sinh viên sau khi tốt nghiệp có việc làm; thông tin về nhu cầu việc làm, thị trường lao động theo định kỳ (hàng quý, 6 tháng, hàng năm).

- Chỉ đạo phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp phối hợp với cơ quan giáo dục và đào tạo cùng cấp triển khai các hoạt động giáo dục hướng nghiệp, định hướng phân luồng học sinh trung học đạt hiệu quả.

- Xây dựng các nhóm giải pháp thu hút và tiếp nhận học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở, trung học phổ thông vào các cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

- Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo trong việc triển khai, kiểm tra, giám sát, tổng hợp kết quả thực hiện Kế hoạch báo cáo UBND tỉnh, Bộ Giáo dục và Đào tạo.

### **3. Sở Kế hoạch và Đầu tư**

Chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, các đơn vị liên quan thẩm định nguồn vốn và cân đối vốn đầu tư công, tham mưu UBND tỉnh bố trí nguồn vốn đầu tư công để thực hiện Kế hoạch theo quy định của pháp luật.

### **4. Sở Tài chính**

Phối hợp với các sở, ngành có liên quan và UBND huyện, thị xã, thành phố tham mưu UBND tỉnh phân bổ kinh phí cho các đơn vị để thực hiện Kế hoạch theo quy định.

### **5. Sở Nội vụ**

Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Tài chính trong việc triển khai thực hiện chính sách đối với giáo viên kiêm nhiệm làm công tác hướng nghiệp trong trường phổ thông.

### **6. Sở Công Thương**

Khuyến khích, hướng dẫn các hiệp hội doanh nghiệp, các doanh nghiệp phối hợp với ngành giáo dục, các cơ sở giáo dục trong việc xây dựng nội dung, tài liệu giáo dục hướng nghiệp, hỗ trợ tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị dạy học và tổ chức các hoạt động giáo dục hướng nghiệp cho học sinh.

### **7. Tỉnh Đoàn**

Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo triển khai các phong trào thi đua, các cuộc vận động của tổ chức Đoàn, Hội, Đội liên quan đến hướng nghiệp cho học sinh.

### **8. Sở Thông tin và Truyền thông**

Phối hợp các đơn vị liên quan, UBND các huyện, thị xã, thành phố tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho toàn xã hội về giáo dục hướng nghiệp, định hướng phân luồng học sinh trung học trên địa bàn tỉnh.

## **9. Đài Phát thanh và Truyền hình Long An, Báo Long An**

Phối hợp các cơ quan liên quan tổ chức thông tin tuyên truyền, mở các chuyên mục tuyên truyền công tác giáo dục hướng nghiệp, định hướng phân luồng học sinh phổ thông trên địa bàn tỉnh; tuyên dương kịp thời những cá nhân, tập thể tham gia tích cực, hiệu quả về công tác giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trung học.

## **10. Các sở, ngành liên quan**

Tùy theo chức năng và nhiệm vụ của từng sở, ngành, phối hợp chặt chẽ với Sở Giáo dục và Đào tạo và các cơ quan có liên quan triển khai thực hiện Kế hoạch.

## **11. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Long An, các tổ chức Hội, Đoàn thể tỉnh**

Tổ chức vận động cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, hội viên, đoàn viên và nhân dân tham gia, hưởng ứng thực hiện kế hoạch.

## **12. UBND các huyện, thị xã, thành phố**

- Xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện phù hợp với điều kiện thực tế tại địa phương; định kỳ sơ kết, tổng kết kết quả thực hiện, báo cáo Sở Giáo dục và Đào tạo để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh, Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Chỉ đạo các cơ quan thông tin, truyền thông địa phương làm tốt công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức về giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh phổ thông trên địa bàn.

- Chỉ đạo Phòng Giáo dục và Đào tạo thực hiện hiệu quả phân luồng học sinh sau tốt nghiệp trung học cơ sở; phân công cán bộ theo dõi công tác giáo dục hướng nghiệp, định hướng phân luồng học sinh sau tốt nghiệp trung học cơ sở và tổ chức điều tra, thống kê, cập nhật số liệu phân luồng.

- Căn cứ vào khả năng ngân sách của địa phương, bố trí kinh phí để hỗ trợ cho công tác giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Quyết định số 522/QĐ-TTg ngày 14/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Long An giai đoạn 2019 - 2025; các sở, ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, đơn vị liên quan triển khai thực hiện./.

### **Nơi nhận:**

- Bộ Giáo dục và Đào tạo (b/c);
- Vụ GDTrH, Vụ GDTX-Bộ GD&ĐT;
- TT. Tỉnh ủy; TT. HĐND tỉnh (b/c);
- Ban Văn hóa - Xã hội HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Thường trực UBMTTQ VN tỉnh;
- Các sở, ngành, đoàn thể tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Báo Long An; Đài Phát thanh và Truyền hình Long An;
- Phòng VHXXH;
- Lưu: VT, lvt.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Phụ lục**  
**BẢNG CHỈ TIÊU ĐĂNG KÝ**  
*(Kèm theo Kế hoạch số 134/KH-UBND ngày 10 /6/2019 của UBND tỉnh Long An)*

**1. Cấp trung học cơ sở**

STT	Nội dung đăng ký thực hiện	Tỷ lệ đăng ký theo từng năm (%)						
		2019	2020	2021	2022	2023	2024	2025
1	Tỷ lệ trường học có chương trình giáo dục hướng nghiệp gắn với hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của địa phương	39,58	69,59	73,65	80,54	86,00	94,08	100
2	Tỷ lệ trường học có giáo viên kiêm nhiệm làm nhiệm vụ tư vấn hướng nghiệp đáp ứng yêu cầu về chuyên môn, nghiệp vụ	50,00	71,62	77,03	85,23	89,33	96,71	100
3	Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở tiếp tục học tập tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đào tạo trình độ sơ cấp, trung cấp	16,26	21,72	27,24	31,86	35,07	37,80	40,21

**2. Cấp trung học phổ thông**

STT	Nội dung đăng ký thực hiện	Tỷ lệ đăng ký theo từng năm (%)						
		2019	2020	2021	2022	2023	2024	2025
1	Tỷ lệ trường học có chương trình giáo dục hướng nghiệp gắn với hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của địa phương	60,00	88,10	90,48	90,48	97,62	97,62	100
2	Tỷ lệ trường học có giáo viên kiêm nhiệm làm nhiệm vụ tư vấn hướng nghiệp đáp ứng yêu cầu về chuyên môn, nghiệp vụ	72,09	95,24	95,24	97,62	97,62	97,62	100
3	Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông tiếp tục học tập tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đào tạo trình độ cao đẳng	34,45	41,91	42,20	43,36	44,15	45,16	45,67

**3. Tỷ lệ (%) học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở tiếp tục học tập tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đào tạo trình độ sơ cấp, trung cấp của các huyện, thị xã, thành phố**

STT	Đơn vị	2019	2020	2021	2022	2023	2024	2025
1	Tân An	9,99	15,49	22,01	28,51	32,00	35,52	40,00
2	Châu Thành	19,96	25,46	30,96	34,94	36,93	38,90	40,08
3	Tân Trụ	12,96	18,46	23,96	29,46	32,96	36,46	40,05
4	Thủ Thừa	11,67	17,17	22,67	28,17	31,67	35,17	40,08
5	Bến Lức	12,00	17,50	23,00	28,50	32,00	35,50	40,25
6	Cần Đước	15,01	20,51	26,01	31,51	35,01	38,51	40,02
7	Cần Giuộc	25,00	30,50	33,50	36,48	38,48	39,47	40,46
8	Đức Hòa	22,38	27,88	33,38	35,89	37,89	39,38	40,39
9	Đức Huệ	21,98	24,98	30,51	35,05	38,50	39,47	40,49
10	Thanh Hóa	6,84	12,34	17,84	23,34	28,33	34,85	40,07
11	Tân Thạnh	4,96	10,46	17,48	25,45	32,91	37,37	40,00
12	Mộc Hóa	17,12	22,62	28,12	32,84	36,31	39,83	40,16
13	Kiến Tường	10,01	15,51	22,36	30,42	35,93	39,38	40,03
14	Vĩnh Hưng	20,03	25,53	31,03	32,99	36,50	38,47	40,06
15	Tân Hưng	13,94	19,44	24,94	30,44	33,94	37,44	40,00
<b>Tỷ lệ bình quân toàn tỉnh</b>		<b>16,26</b>	<b>21,72</b>	<b>27,24</b>	<b>31,86</b>	<b>35,08</b>	<b>37,80</b>	<b>40,21</b>

**4. Tỷ lệ (%) học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông tiếp tục học tập tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đào tạo trình độ cao đẳng của các huyện, thị xã, thành phố**

STT	Đơn vị	2019	2020	2021	2022	2023	2024	2025
01	Tân An	15,02	40,00	40,05	40,01	40,00	45,01	45,05
02	Châu Thành	20,00	40,00	40,98	41,96	42,93	43,91	45,00
03	Tân Trụ	34,97	39,92	40,96	42,00	43,06	44,09	45,07
04	Thủ Thừa	39,31	43,01	39,13	39,95	40,69	40,75	45,70
05	Bến Lức	41,96	42,87	41,74	43,85	45,03	45,64	47,33
06	Cần Đước	40,97	42,01	42,98	44,02	45,01	45,02	45,03
07	Cần Giuộc	40,70	42,01	41,98	43,03	44,00	45,03	45,00
08	Đức Hòa	35,59	39,98	41,31	42,05	43,61	44,42	45,00
09	Đức Huệ	38,37	39,59	40,37	40,52	41,21	41,69	45,26
10	Thanh Hóa	30,00	40,00	40,94	41,93	42,90	43,84	45,00
11	Tân Thạnh	54,96	60,16	61,23	63,84	60,27	61,71	52,00
12	Mộc Hóa	34,62	40,57	40,74	41,82	42,78	43,50	45,12
13	Kiến Tường	40,04	40,07	41,91	41,08	43,04	44,04	44,92
14	Vĩnh Hưng	24,94	39,90	40,93	41,84	42,99	43,91	45,00
15	Tân Hưng	35,79	40,13	40,90	42,22	43,82	44,32	45,11
<b>Tỷ lệ bình quân toàn tỉnh</b>		<b>34,45</b>	<b>41,91</b>	<b>42,20</b>	<b>43,36</b>	<b>44,14</b>	<b>45,16</b>	<b>45,67</b>